

ĐỀ ÁN

**Tăng cường năng lực quản lý hoạt động khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025**

**Phần I
MỞ ĐẦU**

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Quảng Trị với nhiều tiềm năng và lợi thế nổi bật hướng đến mục tiêu trở thành trung tâm năng lượng mới của khu vực miền Trung với thế mạnh về năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời) và nhiệt điện; trữ lượng cát thạch anh rất dồi dào, chất lượng tốt. Bên cạnh đó, Quảng Trị tập trung phát triển công nghiệp chế biến dựa trên lợi thế về diện tích, sản lượng gỗ rừng trồng đứng đầu của Việt Nam; phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Hội tụ các lợi thế sẵn có về vị trí địa kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, thủy sản khá phong phú và đa dạng; các di tích lịch sử, văn hoá lâu đời, nổi tiếng trong và ngoài nước; kết hợp với các “thế mạnh mới” đang được đầu tư, hình thành về cơ sở hạ tầng, giao thông, nguồn nhân lực, chất lượng cải cách thủ tục hành chính, Quảng Trị đang tạo cho mình những lợi thế cạnh tranh rõ nét, nổi bật để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có khá phong phú chủng loại khoáng sản, nhưng trữ lượng không lớn và chất lượng không cao, được phân bố trên khắp các huyện, thị xã, thành phố. Theo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở tỷ lệ: 1/50.000, các kết quả đã và đang thăm dò khoáng sản cho thấy trên địa bàn tỉnh có khoảng 220 mỏ, khu mỏ khoáng sản và điểm quặng thuộc các loại khoáng sản kim loại, khoáng chất công nghiệp, vật liệu xây dựng và nước khoáng - nước nóng. Các loại khoáng sản chủ yếu trên địa bàn tỉnh gồm vàng, titan, cát trắng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và nguyên liệu sản xuất xi măng. Thời gian qua, các ngành, các cấp đã tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản. Hoạt động khoáng sản đã dần đi vào nề nếp. Các Doanh nghiệp đã chấp hành tương đối tốt các quy định của giấy phép và quy định của pháp luật, chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến khoáng sản làm tăng giá trị khoáng sản, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Trị.

Tuy nhiên, hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản vẫn còn hạn chế, tồn thất trong khai thác, chế biến khoáng sản còn lớn; tình trạng mất an toàn lao động, gây ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác khoáng sản trái phép vẫn chưa được khắc phục triệt để. Việc phối hợp kiểm tra giữa

các cấp, ngành chưa thường xuyên. Các quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên khoáng sản vẫn chưa chặt chẽ, các quy định chi tiết ban hành thiếu kịp thời. Các đơn vị khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản vẫn chưa chấp hành nghiêm túc pháp luật về khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản; chưa kê khai đúng khối lượng khai thác để làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ với nhà nước. Thực tế đó, đòi hỏi phải xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Với những lý do nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng đề án ***“Tăng cường năng lực quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025”*** nhằm góp phần tăng cường hoạt động quản lý Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ ĐƠN VỊ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

Các Sở ban ngành liên quan, UBND cấp xã, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Phạm vi của Đề án

- Về không gian: trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Trị.
- Về thời gian: giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đơn vị xây dựng, trình Đề án

- Cơ quan trình Đề án: UBND tỉnh Quảng Trị.
- Cơ quan tham mưu xây dựng Đề án: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Khoáng sản năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu TN&MT;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;
- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

- Công điện số 1966/CD-TTg ngày 19/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;

- Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế;

- Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu TN&MT phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 25/02/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định quản lý tài nguyên khoáng sản và các hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 2803/UBND-TN ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tăng cường năng lực quản lý hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 4479/UBND-TN ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

- Văn bản số 3192/UBND-CN, ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc chuẩn bị nội dung cho kỳ họp thứ 4 - Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa VIII.

2. Cơ sở thực tiễn của Đề án

2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên và KT-XH tỉnh Quảng Trị

2.1.1. Vị trí địa lý

Tỉnh Quảng Trị nằm trên tọa độ địa lý từ 16°18 đến 17°10 vĩ độ Bắc, 106°32

đến 107⁰34 kinh độ Đông.

- Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.
- Phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Phía Đông giáp Biển Đông.
- Phía Tây giáp tỉnh Savanakheth và Salavan, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Quảng Trị ở khu vực miền Trung, là điểm đầu về phía Việt Nam trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây nối với Lào - Thái Lan - Mianmar qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đến các cảng biển miền Trung như: Đà Nẵng, Chân Mây, Cửa Việt, Vũng Áng... Đây là điều kiện rất thuận lợi để Quảng Trị mở rộng hợp tác kinh tế trong khu vực, giao thương hàng hóa, vận tải quốc tế, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch.

2.1.2. Đặc điểm địa hình

Địa hình Quảng Trị thấp dần từ Tây sang Đông, Đông Nam và chia thành các dạng địa hình: vùng núi cao phân bố ở phía Tây từ đỉnh dãy Trường Sơn đến miền đồi bát úp có độ cao từ 250 - 2000 m, độ dốc 20 - 30⁰; vùng trung du và đồng bằng nhỏ hẹp chạy dọc tỉnh; kể đến là vùng cát nội đồng và ven biển chủ yếu là các cồn cát, dụn cát. Do địa hình phía Tây núi cao, chiều ngang nhỏ hẹp nên hệ thống sông suối đều ngắn và dốc.

2.1.3. Đặc điểm về khí hậu, thủy văn

a. Đặc điểm về khí hậu

Quảng Trị nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm từ 24- 25°C ở vùng đồng bằng, 3- 22°C ở độ cao trên 500 m. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2.200 - 2.500 mm; số ngày mưa trong năm dao động từ 154 - 190 ngày. Độ ẩm tương đối, trung bình năm khoảng 83 - 88%. Số giờ nắng khá cao, trung bình 5-6 giờ/ ngày, có sự phân hóa theo thời gian và không gian rõ rệt. Chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính là gió mùa Tây Nam khô nóng điển hình và gió mùa Đông Bắc.

b. Đặc điểm về thủy văn

Hệ thống sông ngòi khá dày đặc, mật độ trung bình 0,8 - 1 km/km². Do đặc điểm địa hình bề ngang hẹp, có dãy Trường Sơn núi cao ở phía Tây nên các sông của Quảng Trị có đặc điểm chung là ngắn và dốc. Toàn tỉnh có 12 con sông lớn nhỏ, tạo thành 04 hệ thống sông chính là sông Bến Hải, sông Thạch Hãn, sông Ô Lâu (Mỹ Chánh) và hệ thống sông Sê Pôn - Sê Păng Hiêng.

Thủy triều trên dải bờ biển Quảng Trị có chế độ bán nhật triều không đều, gần 1/2 số ngày trong hàng tháng có 2 lần nước lớn, 2 lần nước ròng. Mực nước đỉnh triều tương đối lớn từ tháng 8 đến tháng 12 và nhỏ hơn từ tháng 1 đến tháng 7. Biên độ triều lên lớn nhất hàng tháng trong các năm không lớn, dao động từ 59 - 116 cm. Độ lớn triều vào kỳ nước cường có thể đạt tới 2,5m.

2.1.4. Khái quát về tình hình KT-XH của tỉnh

Trong những năm vừa qua, tình hình KT-XH của tỉnh Quảng Trị có nhiều chuyển biến tích cực. Trong 30 năm qua, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt 7,8%/năm. Trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 14,5%; khu vực dịch vụ tăng 9%, nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng

3,6%; quy mô nền kinh tế tăng 135,59 lần so với năm 1989 (tổng sản phẩm năm 2020 đạt 19.863,5 tỷ đồng, năm 1989 tính theo giá hiện hành đạt 146,5 tỷ đồng). Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 tăng gấp 7,8 lần năm 1989 (đã loại trừ yếu tố tăng giá).

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng, chuyển mạnh từ nền kinh tế “thuần nông” (sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm đến 62,3%) sang “công nghiệp - dịch vụ” (khu vực kinh tế phi nông nghiệp chiếm 78,5%). Đây là nền tảng quan trọng để đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Trong nội bộ các ngành kinh tế cũng có sự chuyển biến tích cực.

- *Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp* đã thực sự trở thành ngành sản xuất hàng hóa quan trọng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Sản lượng lương thực có hạt từ 11,3 vạn tấn năm 1989 tăng lên 28,95 vạn tấn năm 2020. Độ che phủ rừng từ 21,5% năm 1989 tăng lên 50,1% năm 2020. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 đạt 32.129 tấn, tăng 6,4 lần so với năm 1989. Đến nay, đã có 57/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Năm 2019, huyện Cam Lộ đã đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- *Sản xuất công nghiệp* chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy nền kinh tế tỉnh phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến nay, đã hình thành và đưa vào hoạt động 3 khu công nghiệp, 15 cụm công nghiệp. Toàn tỉnh hiện có hơn 7.700 cơ sở sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho hơn 20.500 lao động. Hiện nay, đã có 11 nhà máy thủy điện với tổng công suất 167,5 MW, 02 dự án điện gió công suất 60 MW đi vào hoạt động và 03 dự án điện mặt trời đã phát điện thương mại với tổng công suất 149,5 MWp.

- *Hoạt động thương mại - dịch vụ* quy mô ngày càng tăng với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế. Năm 1989, toàn tỉnh có khoảng 7.300 cơ sở kinh doanh thương nghiệp, với 8.500 lao động, thì đến năm 2020 đã có hơn 28.500 cơ sở kinh doanh thương nghiệp, giải quyết gần 46.000 việc làm. Đến nay, toàn tỉnh có 77 chợ, 23 siêu thị. Hệ thống phân phối hàng hóa được thiết lập, hàng hóa lưu thông thông suốt từ thành thị đến nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- *Du lịch* được xác định là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, những năm qua, hạ tầng các khu, cụm, điểm du lịch được quan tâm đầu tư. Nhiều di tích lịch sử cách mạng và danh thắng được trùng tu, tôn tạo, khôi phục và giữ gìn để khai thác phục vụ du lịch. Năm 2007, toàn tỉnh có 63 khách sạn, với 1.250 phòng, đến năm 2018, tăng lên 182 khách sạn, với trên 3.000 phòng (trong đó có 2 khách sạn 4 sao, 8 khách sạn 3 sao).

- *Kết cấu hạ tầng* được chú trọng đầu tư, tạo điều kiện phát triển KT-XH. Toàn tỉnh có gần 8.236 km đường bộ, 100% xã có đường ô tô về trung tâm. Các công trình thủy lợi đã đảm bảo tưới cho trên 85% diện tích gieo cấy, cấp nước cho 1975 ha nuôi trồng thủy sản. Hiện nay, toàn tỉnh có 479 công trình thủy lợi lớn nhỏ; hệ thống kênh tưới, tiêu dài hơn 2125 km, có 177 km đê và 40 km kè dọc bờ sông, bờ biển. Đến nay 100% thôn, bản có điện lưới quốc gia, số hộ sử dụng điện tăng từ 41,2% năm 1994 lên 97,6% năm 2004 và năm 2020 gần 100%. Hệ thống trường học, bệnh viện, trạm y tế, công trình phục vụ hoạt động văn hoá, thể thao, cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ được đầu tư đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu

tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân và phục vụ mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh.

2.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh

2.2.1. Việc ban hành văn bản, tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

- Sau khi có Luật Khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành luật có hiệu lực, trên cơ sở tham mưu của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và trên 80 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản tại địa phương.

- Hàng năm, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tổ chức hội nghị, xây dựng pano, áp phích, xây dựng các chuyên mục riêng phổ biến truyền truyền về tài nguyên khoáng sản trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị,..

2.2.2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền

UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030. Đồng thời, trên cơ sở kết quả khảo sát đánh giá tài nguyên khoáng sản hàng năm, UBND tỉnh bổ sung 06 điểm mỏ vào quy hoạch(02 đá, 01 titan, 03 cát, sỏi); điều chỉnh 02 điểm mỏ cát, sỏi không phù hợp ra khỏi quy hoạch.

Theo Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt vào quy hoạch mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 đã quy hoạch 32 điểm mỏ trải đều 08 huyện (trừ Đông Hà và Cồn Cỏ). Tổng diện tích khoanh định là 543,3 ha và tổng trữ lượng dự báo là 58 triệu m³.

2.2.3. Công tác khoanh định, phê duyệt các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

- UBND tỉnh Quảng Trị đã phê duyệt khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 19/6/2015.

- UBND tỉnh Quảng Trị đã phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 06/7/2017.

2.2.4. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

a. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Thực hiện quy định của Luật Khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2017-2019, đã tổ chức đấu giá 07 mỏ, khu vực mỏ khoáng sản.

b. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

Trong giai đoạn 2015-2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 88 hồ sơ hoạt động khoáng sản, trong đó: thăm dò khoáng sản: 20 hồ sơ; khai thác khoáng sản: 27 hồ sơ; phê duyệt trữ lượng khoáng sản: 21 hồ sơ; gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản: 13 hồ sơ; đóng cửa mỏ khoáng sản: 07 hồ sơ. Chỉ cấp phép 01 mỏ đất Trường Xuân 2, xã Hải Trường, huyện Hải Lăng cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển huyện Hải Lăng.

Tính đến tháng 7/2021, trên địa bàn tỉnh có 31 giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực, trong đó:

- Giấy phép do Bộ TNMT cấp: 07 giấy phép, gồm:
 - + Khai thác titan : 04 giấy phép
 - + Khai thác cát thạch anh: 01 giấy phép
 - + Khai thác cát trắng : 01 giấy phép
 - + Khai thác vàng gốc : 01 giấy phép
- Giấy phép do UBND tỉnh cấp: 24 giấy phép, gồm:
 - + Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 07 giấy phép
 - + Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 16 giấy phép.
 - + Khai thác titan: 01 giấy phép (thuộc khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ).

Việc cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện theo Luật Khoáng sản 2010, Chỉ thị số 03/CT-TTg, đúng thẩm quyền và phù hợp quy hoạch đã được phê duyệt. Trình tự cấp phép hoạt động khoáng sản theo đúng quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; các đơn vị hoạt động khoáng sản đảm bảo năng lực trong hoạt động khoáng sản; có Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết BVMT, kế hoạch BVMT và phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

c. Thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản và công tác tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2020, thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là 346,353 tỷ đồng (năm 2014: 33,283 tỷ, 2015: 30,043 tỷ, 2016: 23,217 tỷ, 2017: 57,888 tỷ, 2018: 54,710 tỷ, 2019: 75,948 tỷ, 2020: 71,264 tỷ trung bình khoảng 49,479 tỷ đồng/năm).

Từ năm 2014 đến hết tháng 12/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 42 điểm mỏ khoáng sản và 13 dự án nạo vét luồng lạch kết hợp thu hồi sản phẩm khoáng sản với tổng số tiền: 56,5 tỷ đồng; tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 04 mỏ với số tiền 6,3 tỷ đồng, số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước đến tháng 12/2020: 69,5 tỷ đồng (bao gồm cả giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp).

2.2.5. Tình hình khai thác khoáng sản trái phép và công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

- Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, loại khoáng sản bị khai thác trái phép chủ yếu

là cát, sỏi trên các tuyến sông: Thạch Hãn, Ô Lâu. Tại địa bàn huyện Hải Lăng, ngoài số tàu thuyền của nhân dân xã Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Tân... khai thác cát bằng phương pháp thủ công còn có số lượng lớn tàu thuyền của người dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia khai thác, thời gian chủ yếu diễn ra vào ban đêm. Đây là địa bàn giáp ranh giữa 2 tỉnh nên việc đẩy đuổi, xử lý rất khó khăn. Hiện tại, các lực lượng của Công an tỉnh đã tổ chức chốt chặn tại các tuyến sông: Hiếu, Thạch Hãn đồng thời tổ chức tuần tra, kiểm soát bằng ca nô trên sông hàng đêm để đẩy đuổi, xử lý các đối tượng khai thác cát trái phép tại khu vực này.

- Bên cạnh đó, tình trạng khai thác cát sỏi trái phép trong, gần khu vực các lòng hồ thủy điện, các khe suối trên địa bàn miền núi diễn ra khá phức tạp, nhất là sau trận mưa lũ lịch sử năm 2020. Một số tổ chức, cá nhân đã lợi dụng việc cải tạo, khắc phục sau mưa lũ để khai thác, sử dụng trái phép khoáng sản. Tình trạng khai thác đất làm vật liệu san lấp trái phép đã và đang diễn ra tại một số địa phương. Tuy nhiên, lực lượng chức năng các sở ngành, công an và chính quyền cũng đã tích cực phối hợp, kiểm tra, thanh tra, ngăn chặn làm giảm đáng kể vụ việc xảy ra.

- Để chấn chỉnh tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh. Phương án quy định cụ thể trách nhiệm của các ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép; việc phối hợp, trao đổi thông tin và xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản giữa các lực lượng kiểm tra chuyên ngành như: Bộ đội Biên phòng, Công an, các Sở, ngành và chính quyền địa phương...

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Công an tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức các đợt truy quét, đẩy đuổi và xử lý vi phạm các tổ chức, cá nhân khai thác cát, sỏi, đất trái phép. Từ năm 2019 đến tháng 12/2020, toàn tỉnh đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính 166 vụ/174 tổ chức, cá nhân với số tiền 721 triệu đồng.

2.2.6. Công tác thanh kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

Hàng năm, Sở TN&MT được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật TN&MT trong hoạt động khai thác khoáng sản. Sở TN&MT phối hợp với Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kiểm tra tình hình chấp hành pháp luật TN&MT đối với các đơn vị hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2019 đến hết năm 2020 đã kiểm tra 30 đơn vị khai thác khoáng sản, đất làm vật liệu san lấp. Qua kiểm tra đã phát hiện các sai phạm và xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 766 triệu đồng. Đồng thời, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót, tồn tại.

2.2.7. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

a. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự phối hợp của các ngành, các cấp trong công tác quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Sự tham gia tích cực của các cơ quan thi hành pháp luật ở địa phương cùng

với Sở Tài nguyên và Môi trường trong thực hiện nhiệm vụ quản lý khoáng sản.

- Cơ bản các đơn vị hoạt động khoáng sản đã có ý thức hơn trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản nói riêng và pháp luật tài nguyên môi trường nói chung.

b. Những tồn tại, khó khăn và vướng mắc

Hiện nay, công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, khó khăn, cụ thể:

- Một số quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP hiện không phù hợp với Luật Đấu giá tài sản năm 2016, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật không quy định khu vực đấu giá phải là mặt bằng sạch. Theo Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thì đối với dự án khai thác mỏ không thuộc đối tượng thu hồi đất mà việc bồi thường theo hình thức thỏa thuận (tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình, cá nhân). Như vậy, sau khi tổ chức đấu giá, đơn vị trúng đấu giá mới triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Trường hợp đơn vị trúng đấu giá không thỏa thuận được để giải phóng mặt bằng thì dự án không triển khai.

- Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật không quy định việc lấy ý kiến thỏa thuận của chính quyền địa phương và nhân dân trong khu vực có mỏ khai thác khi lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Vì vậy, khi đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản triển khai thăm dò, khai thác khoáng sản (ở khu vực không phải đền bù giải phóng mặt bằng) mà nhân dân không đồng thuận thì dự án không thể triển khai.

- Đầu tư cho công tác quản lý khoáng sản chưa đúng, đủ về con người (trong suốt 12 năm qua, Phòng Khoáng sản và Nước - Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ có 03 công chức), trang thiết bị, về các nguồn lực hỗ trợ khác.

- Việc chấp hành nghĩa vụ tài chính của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản về thuế chủ yếu dựa trên việc tự kê khai, tự chịu trách nhiệm với các cơ quan quản lý thuế địa phương. Đây là nguyên nhân gây lãng phí và thất thoát nguồn thu cho địa phương.

- Đa số các doanh nghiệp chưa thực hiện việc lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác và lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan. Theo báo cáo của các doanh nghiệp thì việc lắp đặt trạm cân và camera giám sát còn khá mới, nhiều doanh nghiệp còn lúng túng trong việc thực hiện.

- Các mỏ khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các mỏ có quy mô, công suất nhỏ nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn giám đốc điều hành mỏ như các mỏ khoáng sản khác nên đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp.

- Tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép diễn ra ở các sông Thạch Hãn, Ô Lâu; khai thác đất làm vật liệu san lấp trái phép còn diễn ra ở nhiều địa phương.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; xây dựng những mục tiêu cụ thể và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản nhằm đảm bảo hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh, vận chuyển, tiêu thụ trên địa bàn phải được quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách.

- Đảm bảo tài nguyên khoáng sản là nguồn lực cho phát triển kinh tế của tỉnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; kết cấu hạ tầng, đời sống nhân dân, môi trường tại các khu vực có hoạt động khoáng sản phải được cải thiện, ổn định.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Các điểm mỏ khoáng sản được điều tra, đánh giá làm cơ sở bổ sung, cập nhật, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

- Hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo được kiểm soát chặt chẽ theo quy định của pháp luật; thu, nộp ngân sách đầy đủ; không vi phạm về bảo vệ môi trường.

- Kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực đầu tư vào thăm dò, khai thác, chế biến sâu khoáng sản, đảm bảo các loại khoáng sản tiềm năng phải được chế biến sâu trên địa bàn tỉnh, gia tăng giá trị khoáng sản.

- Phân đầu tăng thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản; giải quyết việc làm người lao động; tái đầu tư cho cơ sở hạ tầng từ nguồn thu khoáng sản.

1.3. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Các điểm mỏ khoáng sản được điều tra cơ bản, bổ sung tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến 2020, tầm nhìn 2030.

- Đến năm 2022, đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu nhận dữ liệu quản lý hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh, vận chuyển khoáng sản.

- Đến năm 2022, 100% Doanh nghiệp hoạt động khoáng sản phải lắp đặt trạm cân, camera giám sát.

- Đến năm 2025, phương tiện vận chuyển khoáng sản phải được lắp đặt hệ thống giám sát hành trình.

- Đến năm 2025, tăng cường lực lượng làm công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo đủ số lượng 07 người.

- Đảm bảo thu ngân sách hàng năm từ hoạt động khoáng sản khoảng 70 đến 100 tỷ đồng.

2. Yêu cầu của Đề án

- Phù hợp với Luật Khoáng sản, các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các yêu cầu, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và của UBND tỉnh. Thực hiện các

Chỉ thị, Chương trình, kế hoạch hành động về hoạt động khoáng sản đến năm 2030.

- Phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoáng sản.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý khoáng sản từ khâu quy hoạch, khảo sát, thăm dò, khai thác, kinh doanh, vận chuyển và chế biến khoáng sản.

- Đảm bảo tăng thu ngân sách của tỉnh từ hoạt động khoáng sản góp phần và sự phát triển KT-XH của tỉnh; BVMT, an ninh trật tự và nâng cao đời sống của nhân dân ở khu vực có hoạt động khoáng sản.

3. Nhiệm vụ của Đề án

Nhiệm vụ 1: Tổ chức điều tra cơ bản đánh giá cấp tài nguyên các điểm mỏ chưa được điều tra, đánh giá làm cơ sở bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh phân kỳ theo giai đoạn phù hợp với nhu cầu khoáng sản của địa phương. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản.

Nhiệm vụ 2: Đầu tư hệ thống thu nhận lưu giữ quản lý thông tin, số liệu kiểm soát hoạt động khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường; hệ thống giám sát vận chuyển, mua bán khoáng sản tại Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Giao thông vận tải.

Nhiệm vụ 3: Đầu tư thiết bị, phương tiện kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản cho lực lượng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành hoạt động khoáng sản như: Thiết bị đo đạc, xác định độ sâu, địa hình, diện tích khai thác...

Nhiệm vụ 4: Quy định việc đầu tư thiết bị, công cụ, hạ tầng giám sát hoạt động khoáng sản tại các đơn vị, cá nhân hoạt động khoáng sản như: Trạm cân, camera.

Nhiệm vụ 5: Bố trí sắp xếp, tuyển dụng cán bộ tăng cường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoáng sản. Đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham gia quản lý nhà nước về quản lý khoáng sản từ tỉnh đến cơ sở; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật về hoạt động khoáng sản cho các tầng lớp cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản.

Nhiệm vụ 6: Đánh giá hiệu quả của Đề án và tiếp tục đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa việc thực hiện quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

4. Giải pháp thực hiện Đề án

4.1. Giải pháp quản lý

4.1.1. Về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản

- Nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch từ bước lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đến triển khai thực hiện. Kịp thời công bố, công khai quy hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch; tích hợp vào quy hoạch của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

- Tập trung quản lý quy hoạch đi vào chiều sâu, các mỏ khoáng sản được cấp gấn với địa điểm chế biến cụ thể, ưu tiên cho các nhà máy, cơ sở chế biến sâu trên địa bàn tỉnh, nhằm gia tăng giá trị khoáng sản; khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm

tài nguyên khoáng sản.

- Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện các vướng mắc, bất hợp lý để khắc phục, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp từng giai đoạn; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy hoạch khoáng sản.

4.1.2. Công tác cấp phép

- Nâng cao chất lượng các Hội đồng thẩm định liên quan đến các hoạt động khoáng sản: Đề án, báo cáo thăm dò khoáng sản, công tác BVMT trong hoạt động khoáng sản; nâng cao chất lượng thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công.

- Ưu tiên xem xét, cấp phép khai thác khoáng sản khi doanh nghiệp có cơ sở chế biến hoặc phục vụ cho cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh (trừ khi các cơ sở chế biến không sử dụng sản phẩm); lựa chọn đơn vị có đủ năng lực đảm bảo hoạt động có hiệu quả sau khi cấp phép.

- Xem xét thu hồi hoặc không gia hạn giấy phép đối với những doanh nghiệp trong quá trình khai thác không chấp hành các quy định pháp luật, nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước.

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khi cấp phép khai thác khoáng sản thì đơn vị được cấp phép cần tổ chức chế biến trên địa bàn tỉnh hoặc cung cấp nguyên liệu cho nhà máy trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4.1.3. Quản lý sản lượng khai thác thực tế của các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản, quản lý chất lượng các loại khoáng sản

- Đối với các doanh nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản phải thực hiện các quy định của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016, Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017, Thông tư số 07/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020:

+ Yêu cầu phải lắp đặt trạm cân điện tử và camera giám sát tại mỏ và khu vực bãi tập kết, tín hiệu, dữ liệu được tích hợp và thông suốt với cơ quan nhà nước; các xe vận chuyển khoáng sản ra khỏi mỏ phải có hóa đơn xuất hàng để kiểm soát trên đường vận chuyển.

+ Lập các loại sổ, tài liệu, chứng từ theo dõi hoạt động của đơn vị gồm chứng từ theo dõi về kỹ thuật và chứng từ về tài chính chứng minh sản lượng khoáng sản đã khai thác.

+ Kiểm tra sản lượng khai thác của đơn vị theo bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác gửi kèm báo cáo hàng năm.

- Mọi khoáng sản khi phát hiện vận chuyển không có giấy tờ hợp pháp thi cơ quan sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp thực hiện vận chuyển khoáng sản đúng tải trọng theo quy định.

- Các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản trong danh mục quy định phải thực hiện các thủ tục quản lý chất lượng sản phẩm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019.

4.1.4. Rà soát, đánh giá hiệu quả các giấy phép khai thác đã cấp; các dự án đầu tư chế biến khoáng sản

- Thực hiện hoặc đề xuất cơ quan cấp phép đình chỉ, thu hồi các giấy phép không hoạt động, nợ ngân sách kéo dài, vi phạm các quy định pháp luật nhà nước.

- Các dự án khai thác, chế biến khoáng sản đã được cấp chủ trương đầu tư nhưng không xây dựng hoặc kéo dài thời gian xây dựng, chậm đưa dự án vào hoạt động, không đáp ứng tiến độ đầu tư, kiến nghị xem xét thu hồi chứng nhận đầu tư; xem xét chuyển đổi dự án cho đơn vị khác có năng lực để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến khoáng sản.

4.1.5. Công tác bảo vệ môi trường

- Các dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật BVMT từ khâu lập hồ sơ, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch BVMT; xây dựng các công trình BVMT; trong quá trình hoạt động đảm bảo các biện pháp BVMT, các thông số diễn biến về môi trường trong hoạt động khoáng sản phải được quan trắc, cập nhật đầy đủ, xử lý kịp thời, hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các dự án khai thác khoáng sản.

- Thực hiện các giải pháp có hiệu quả nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành công tác BVMT đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản; xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm quy định về BVMT.

4.1.6. Tổ chức thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản thuế, phí, lệ phí trong lĩnh vực khoáng sản, đảm bảo đúng quy định

- Thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản thuế, phí, lệ phí trong lĩnh vực khoáng sản và xử lý vi phạm kịp thời, đúng quy định. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng cam kết nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước. Nếu doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định thì không xem xét đề nghị gia hạn sau khi giấy phép hết hạn hoặc thu hồi giấy phép theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 58, Luật Khoáng sản.

- Nghiên cứu đề xuất các điểm mỏ khoáng sản có tiềm năng để đưa vào đấu giá quyền khai thác khoáng sản; ban hành quy định đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; triển khai việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Đề xuất với Trung ương cho cơ chế đặc thù, điều chỉnh tỷ lệ trích tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho tỉnh Quảng Trị đối với các mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

4.1.7. Thu hút đầu tư

Thu hút các nhà đầu tư có năng lực để đầu tư trong lĩnh vực khoáng sản, nhất là chế biến sâu tại tỉnh nhằm gia tăng giá trị khoáng sản, phát huy lợi thế tiềm năng khoáng sản của địa phương. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ hoạt động vận chuyển khoáng sản để bảo vệ công trình hạ tầng giao thông.

4.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát

- Các cơ quan chức năng phải phối hợp lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ không quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp, nhằm đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo, trùng lặp để không cản trở đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp; nội dung thanh tra, kiểm tra phải được giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao; cơ quan chức năng chỉ ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm; không mở rộng phạm vi thanh tra, kiểm tra vượt quá nội dung ngoài quyết định đã được duyệt.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cần đảm bảo mục tiêu phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý vi phạm kịp thời, đồng thời hỗ trợ hướng dẫn các doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp luật. Đối với những đơn vị vi phạm nhiều lần, cố tình không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản cần kiên quyết kịp thời xử lý theo luật định, đặc biệt là tình trạng vận chuyển khoáng sản, chuyển nhượng mỏ trái phép trên địa bàn.

- Các ngành chức năng có giải pháp hữu hiệu để đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện dứt điểm các khoản nợ tiền cấp quyền, thuế, phí quá hạn đối với ngân sách nhà nước. Trường hợp cố tình không chấp hành thì thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định, kiên quyết xử lý các đơn vị chưa thực hiện việc hoàn thổ, đóng cửa mỏ theo quy định.

- Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Khoáng sản, Luật BVMT, Luật Đất đai đối với các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản, Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Nâng cao năng lực và trách nhiệm quản lý chuyên ngành về khoáng sản từ cấp tỉnh đến cấp xã

- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương chủ động quan tâm bố trí cán bộ công chức có trình độ, năng lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu khi tham gia thực hiện nhiệm vụ; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý khoáng sản.

- Sở TN&MT chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Giao thông vận tải để tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc, giám sát tự động và quản lý dữ liệu trong hoạt động khoáng sản từ các mỏ trên địa bàn.

- Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị, địa phương khi để xảy ra sai phạm trong quản lý hoạt động khoáng sản theo quy định.

4.4. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh

- Các ngành, địa phương cần hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản thuê đất, sử dụng đất đai; sử dụng tài nguyên nước, sử dụng hạ tầng kỹ thuật để phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản.

- Trước mắt, các ngành các cấp cần tập trung tìm hiểu, tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp có nhà máy chế biến đang dừng hoạt động trên địa bàn tỉnh: về nguyên liệu, vận chuyển khoáng sản, chế độ thu nộp ngân sách ...

- Thực hiện cơ chế một cửa liên thông, một cửa điện tử để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian cấp chứng nhận đầu tư, cấp phép xây dựng và giải quyết các thủ tục hành chính về thuế, thu phí, lệ phí; liên thông trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính đối với đất đai.

- Hàng năm, tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp ít nhất 01 lần, nhằm đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Các nguồn lực thực hiện Đề án

- Tổng kinh phí thực hiện Đề án trong giai đoạn 2021 - 2025: 27 tỷ đồng,

trong đó:

+ Ngân sách nhà nước các cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý khoáng sản theo phân cấp trong dự toán chi ngân sách hàng năm: 15 tỷ đồng (*được trích lại 10% từ nguồn thu hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh*). Đề án xây dựng 09 nhiệm vụ chính với khái toán kinh phí như sau:

STT	Nhiệm vụ	Kinh phí (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Điều tra cơ bản các điểm mỏ chưa được điều tra, đánh giá	2.000	
2	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản	1.000	
3	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản (200 triệu đồng/năm).	1.000	
4	Đầu tư hệ thống thu nhận lưu giữ quản lý thông tin, số liệu kiểm soát hoạt động khoáng sản tại Sở Tài nguyên và Môi trường (xây dựng phần mềm, mua sắm thiết bị CNTT, viễn thông)	5.000	Bao gồm thuê đường truyền dữ liệu hàng năm
5	Đầu tư hệ thống giám sát vận chuyển, mua bán khoáng sản tại Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Giao thông vận tải.	2.000	Bao gồm thuê đường truyền dữ liệu hàng năm
6	Đầu tư thiết bị, phương tiện kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản cho lực lượng kiểm tra, thanh tra chuyên ngành hoạt động khoáng sản như: Thiết bị đo đạc, xác định độ sâu, diện tích khai thác; đo đạc địa hình; máy quay chụp ảnh, quay chuyên dụng; ô tô chuyên dụng...	2.000	
7	Đào tạo đội ngũ cán bộ tham gia quản lý nhà nước về quản lý khoáng sản từ tỉnh đến cơ sở	1.000	
8	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật về hoạt động khoáng sản cho các tầng lớp cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản	700	
9	Đánh giá hiệu quả Đề án	300	

+ Nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh: 12 tỷ đồng (*Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản tự bỏ kinh phí để đầu tư, trang bị: trạm cân, camera, thuê đường truyền, thực hiện công tác tuyên truyền; dự kiến 30 tổ chức, cá nhân*).

2. Thành lập Ban Chỉ đạo và phân công trách nhiệm thực hiện Đề án

2.1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án

Sau khi Đề án được phê duyệt, cơ quan tham mưu trình Đề án là Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nội vụ, trình thành lập Ban Chỉ đạo cấp

tỉnh thực hiện Đề án với các thành phần:

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực làm Trưởng ban.
- Các Phó trưởng ban bao gồm: Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường.

- Thành viên Ban Chỉ đạo gồm Lãnh đạo các Sở, ban, ngành: Công an tỉnh; các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông,...; Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh; mời Đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh cùng tham gia Ban Chỉ đạo.

- Thành lập Tổ giúp việc:

- + Trưởng phòng Khoáng sản và Nước - Sở Tài nguyên và Môi trường: Tổ trưởng

- + Đại diện các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh,..

Việc thành lập Tổ giúp việc dựa trên cơ sở đề xuất của các đơn vị. Cơ quan thường trực thực hiện Đề án trình Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện Đề án cấp tỉnh quyết định.

2.2. Phân công trách nhiệm thực hiện Đề án

2.2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan thường trực của tỉnh triển khai thực hiện Đề án, có nhiệm vụ Dự thảo các Kế hoạch hoạt động thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn các đơn vị liên quan xây dựng Dự án hoặc Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Đề án;

- Chỉ đạo Tổ giúp việc thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng Ban chỉ đạo, phân công; Xây dựng kế hoạch cho Cơ quan thường trực trong quá trình thực hiện Đề án.

- Tổng hợp, báo cáo theo tiến độ của Đề án trên cơ sở báo cáo của các cơ quan phân công thực hiện nhiệm vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ 1.

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ 2, 3.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan khác như: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư,.. đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện Đề án.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan: Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Giao thông vận tải,.. chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ 4.

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện nhiệm vụ 5.

2.2.2. Cục Thuế tỉnh

- Tham gia thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc thực hiện Đề án.

- Tổng hợp số liệu, nghĩa vụ tài chính theo chức năng làm cơ sở đánh giá hiệu quả trước và sau khi triển khai Đề án.

- Chủ trì xem xét ấn định thuế; thực hiện giải pháp về chính sách liên quan đến thuế trong Đề án.

- Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về thực hiện các nội dung liên quan đến thuế, phí và các khoản thu khác liên quan đến hoạt động khoáng sản.

- Theo dõi, quản lý hệ thống giám sát sản lượng khoáng sản, chia sẻ thực hiện nhiệm vụ 2 của Đề án.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban chỉ đạo giao về lĩnh vực phụ trách.

2.2.3. Công an tỉnh

- Tham gia thành viên Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường; Các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản thực hiện nhiệm vụ 2, nhiệm vụ 4 của Đề án.

2.2.4. Sở Tài chính

- Thành viên Phó trưởng Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án.

- Chủ trì thẩm định Dự toán của các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ 1, 2, 3, 4 của Đề án.

- Tham mưu UBND tỉnh quản lý, sử dụng nguồn thu liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh về thực hiện các nội dung liên quan đến phí, lệ phí và các khoản thu khác liên quan đến hoạt động khoáng sản.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định dự toán thực hiện nhiệm vụ 1 của Đề án.

- Phối hợp với Sở Nội vụ triển khai thực hiện nhiệm vụ 5 của Đề án.

- Đảm bảo các điều kiện khác do ngành phụ trách để Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc thực hiện Đề án.

2.2.5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thành viên Phó trưởng Ban chỉ đạo, tham gia thành viên Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

- Phối hợp với các Sở Tài chính bố trí nguồn vốn hàng năm theo đề xuất của Cơ quan thường trực để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án thuộc nguồn ngân sách đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban chỉ đạo phân công theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

2.2.6. Sở Nội vụ

- Là thành viên Ban Chỉ đạo, tham gia Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

- Chủ trì, thực hiện nhiệm vụ 5

- Phối hợp với Sở Tài chính để bố trí kinh phí chi trả cho công chức được tăng thêm hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Phối hợp trình các văn bản liên quan tổ chức thực hiện về nhân sự cho

UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban chỉ đạo phân công theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

2.2.7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham gia thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc thực hiện Đề án.
- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh, các doanh nghiệp triển khai thực hiện nhiệm vụ 2; chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện nội dung tuyên truyền thuộc nhiệm vụ 4 của Đề án.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban chỉ đạo phân công theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

2.2.8. Các Sở: Công Thương, Xây dựng, Khoa học Công nghệ, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tham gia thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thực hiện Đề án.
- Theo chức năng nhiệm vụ được giao tham gia các Hội đồng thẩm định các nhiệm vụ của Đề án.
- UBND các cấp huyện có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của kế hoạch được giao cho địa phương từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định phân cấp ngân sách hiện hành.

- Tham gia thực hiện nhiệm vụ 6.

2.2.9. Các doanh nghiệp tham gia hoạt động khoáng sản

- Căn cứ điều kiện cụ thể của từng đơn vị, xây dựng kế hoạch, đăng ký thời gian thực hiện nhiệm vụ 4 đến năm 2022.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan, Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc trong quá trình thực hiện Đề án.

- Chủ động phối hợp với cơ quan Thuế đề xuất các giải pháp việc ban hành các chính sách pháp luật liên quan đến công tác thuế phù hợp với điều kiện của địa phương.

3. Tiến độ xây dựng, thực hiện Đề án

- Xây dựng Đề án: từ tháng 7/2020-3/2021.
- Sở TN&MT lấy ý kiến các sở ban ngành, địa phương: tháng 4/2021.
- Sở TN&MT trình UBND tỉnh: đầu tháng 8/2021.
- UBND tỉnh trình HĐND tỉnh khóa VIII vào tháng 8/2021.
- Triển khai Đề án: từ quý IV/2021 - 2025.

4. Hiệu quả của Đề án

Việc thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025” thì sẽ đạt được những hiệu quả chính sau:

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản, đảm bảo quản lý được toàn bộ hoạt động khoáng sản từ điều tra, đánh giá tài nguyên, lập, bổ sung tích hợp vào quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Đảm bảo sản lượng khoáng sản khai thác, vận chuyển, chế biến tiêu thụ

trên địa bàn phải được quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách.

- Đảm bảo các hoạt động khoáng sản đóng góp cho cộng đồng dân cư nơi có hoạt động khoáng sản về: Kết cấu hạ tầng, lực lượng lao động tại chỗ, an sinh, môi trường, trật tự an toàn xã hội,..

- Giám sát, góp phần thực hiện tốt hơn về BVMT trong hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Thu hút được các nhà đầu tư có năng lực đầu tư vào thăm dò, khai thác, chế biến sâu khoáng sản, đảm bảo các loại khoáng sản tiềm năng được chế biến sâu trên địa bàn tỉnh, gia tăng giá trị khoáng sản.

Phần III **KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

1. Kết luận

Đề án “*Tăng cường năng lực quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025*” được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, chỉ đạo, giao nhiệm vụ của UBND tỉnh Quảng Trị. Đồng thời Đề án cũng đã căn cứ điều kiện thực tế, những bất cập hạn chế, tồn tại trong quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ khi có Luật Khoáng sản ra đời (năm 2010) và kế thừa các quy định trước đó.

- Đề án được triển khai đảm bảo tính khả thi cao do được xây dựng mang tính đồng bộ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng trong thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

- Đề án đảm bảo theo các quy định của pháp luật; góp phần quản lý tốt sản lượng khoáng sản được khai thác, chống thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách địa phương.

- Đề án có sử dụng nguồn kinh phí của các cá nhân, đơn vị hoạt động khoáng sản nên đóng góp vào công tác quản lý TN&MT cũng như thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh Quảng Trị.

2. Kiến nghị

Để triển khai các nội dung của Đề án “*Tăng cường năng lực quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025*”, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua, phê duyệt Đề án để triển khai, thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Hưng